

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
năm 2023 trên địa bàn xã Văn Hán**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Quyết định số 5596/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán thu-chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của HĐND xã Văn Hán về việc giao dự toán thu-chi ngân sách xã Văn Hán năm 2023 ;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Văn Hán về việc giao dự toán thu-chi ngân sách xã Văn Hán năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Văn Hán công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn xã Văn Hán, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách

(Có biểu số 113,114,115/CK-NSNN chi tiết kèm theo)

II. Hình thức công khai

Công khai trên Cổng thông tin điện tử xã Văn Hán, niêm yết công khai tại bảng thông báo của UBND xã

III. Thời điểm công khai

Thời điểm công khai bắt đầu từ khi Thông báo này được ký.

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 trên địa bàn xã Văn Hán./

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- MTTQ, các ban ngành đoàn thể, Trường xóm.
- Cổng thông tin điện tử xã Văn Hán;
- Lưu: VP, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Nguyễn Xuân Hiền



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 xã Văn Hân
(Kèm theo Thông báo số 27/TB UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã Văn Hân)

Thực hiện theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND huyện Đồng Hỷ phân công chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp uỷ, chính quyền địa phương từ huyện đến cơ sở, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan tình hình thực hiện ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện đã đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

1. Về cân đối ngân sách xã trên địa bàn:

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 18.061,69 triệu đồng, đạt 159,61% dự toán được giao, bằng 110,02% cùng kỳ năm trước

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 16.136,78 triệu đồng, bằng 280,09% dự toán giao đầu năm, bằng 120,01% cùng kỳ năm trước

2. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Ngay từ đầu năm UBND xã đã chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế xã hội. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị, các đồng chí được giao nhiệm vụ thu ngân sách đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Tăng cường biện pháp quản lý thu ngân sách, công tác tuyên truyền, hỗ trợ cho đối tượng nộp thuế, minh bạch các chính sách thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đẩy mạnh công tác quản lý, khai thác các nguồn thu.

Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 18.061,69 triệu đồng, đạt 159,61% dự toán được giao, bằng 110,02% cùng kỳ năm trước

- Thu cân đối ngân sách ước thực hiện 375,21 triệu đồng đạt 115,38% dự toán được giao, trong đó :

- + Thu phí lệ phí: 58,64 triệu đồng đạt 83,77% KH giao,
- + Thu khác ngân sách: 124,3 triệu đồng (đạt 130,84% KH giao,
- + Thuế thu nhập cá nhân: 248,69 triệu đồng (đạt 121,31% KH giao
- + Lệ phí trước bạ: 53,77 triệu đồng (đạt 179,2% KH giao,
- + Các khoản thu về nhà đất: 26,18 triệu đồng
- + Thuế giá trị gia tăng: 199,84 triệu đồng (đạt 153,72% KH giao

+ Lệ phí môn bài: 18,7 triệu đồng đạt 124,66% kế hoạch

* Thu chuyên nguồn ngân sách: 3.124,96 triệu đồng

3. Về chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

UBND xã chủ động điều hành chi ngân sách theo quy định. Các khoản chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đúng chính sách, chế độ. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả các khoản theo chế độ cho cán bộ, công chức, chuyên trách, bán chuyên trách, cán bộ xóm ... chi trả các khoản phụ cấp, trợ cấp theo chế độ; chi các khoản từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên. Các khoản chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đúng chính sách, chế độ.

Tổng chi ngân sách ước 16.138,78 triệu đồng, bằng 280,09% dự toán giao đầu năm, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 7.443,97 triệu đồng bằng 97,0% dự toán giao,

+ Chi thường xuyên: 8.686,81 triệu đồng bằng 105,39% dự toán giao

4. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2023 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng, hàng quý họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	11.088,86	17.730,64	1,6
1.	Các khoản thu 100%	165	139,93	84,81
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	160	235,28	147,05
3.	Thu chuyển nguồn		3.124,96	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.763,86	14.170,62	1,32
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.608	5.608	
	- Bổ sung có mục tiêu	5.155,86	8.562,62	
II.	Tổng số chi	5.762	16.138,78	280,09
1.	Chi đầu tư phát triển		7.443,97	
2.	Chi thường xuyên	5.762	8.694,81	
3.	Dự phòng	86		



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	11.308,86	11.088,86	18.061,69	17.735,12	159,71	159,94
I. Các khoản thu 100%	165	165	182,94	139,93	11.087,27	8.480,61
- Phí, lệ phí	70	70	58,64	58,64		
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	95	95	124,3	81,29		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	380	160	523,32	239,76	13.771,58	14.985
1. Các khoản thu phân chia	45	30	74,79	47,91	16.620	15.970
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			2,32	2,32		
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	15	15	18,7	18,7		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30	15	53,77	26,89		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	335	130	448,53	191,85	13.388,96	14.757,69
- Thuế giá trị gia tăng	130	130	199,84	191,85		
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	205		248,69			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			3.124,96	3.124,96		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			59,85	59,85		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.763,86	10.763,86	14.170,62	14.170,62	131,65	131,65
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.608	5.608	5.608	5.608		
- Bổ sung có mục tiêu	5.155,86	5.155,86	8.562,62	8.562,62		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi	824.281		8.242,81	1.613.077	7.443,96	8.686,81	195,7		105,39
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	86.944		869,44	114.557		1.145,57	131,76		131,76
- Chi dân quân tự vệ	421,6		421,6	445,88		445,88			
- Chi trật tự an toàn xã hội	447,84		447,84	699,69		699,69			
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	75,1		75,1	154,49		154,49			
5. Chi văn hóa, thông tin	35		35	1.211,91	1.175,07	36,84			
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25		25	24,96		24,96			
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	846		846	630.721	5.964,36	342,85	74.553,31		4.052,6
- Giao thông	20		20	5.983,57	5.964,36	19,21	0,03		
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	821		821	194,55		194,55			
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch	5		5	5		5			
- Các hoạt động kinh tế khác				124,09		124,09			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	627.294		6.272,94	701.526	166,53	6.848,73	111,83		109,18
Trong đó: Quỹ lương				4.741,36		4.741,36			
10.1. Quản lý Nhà nước	4.008,06		4.008,06	4.448,63	166,53	4.282,1			
10.2. Hội đồng nhân dân	336,3		336,3	399,86		399,86			
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	830		830	946,73		946,73			
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	456		456	481,12		481,12			
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	134		134	153,61		153,61			
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	80		80	93,39		93,39			
10.7. Hội Cựu chiến binh	86,52		86,52	121,75		121,75			
10.8. Hội Nông dân	137,3		137,3	162,83		162,83			

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	32,7		32,7	36,99		36,99			
10.10. Hội Người cao tuổi	81,6		81,6	86,11		86,11			
10.11. Hội khuyến học	18,09		18,09	2		2			
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	72,37		72,37	77,38		77,38			
11. Chi cho công tác xã hội	11.933		119,33	12.070	138	119,32	215,64		99,99
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	109,33		109,33	109,32		109,32			
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác	10		10	148	138	10			
12. Chi nộp trả NS									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									